

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 153 /2018/DS-PT  
Ngày 05 - 4 - 2018  
V/v tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Hoàng Hiệp.

*Các Thẩm phán:* Bà Lưu Thị Sum.

Bà Trần Thị Kim Em.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Trúc Hương, là Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:*** Bà Hà Ngọc Thư Trúc - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 23/2018/TLPT-DS ngày 08/01/2018 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản, hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 44/2018/QĐ-PT ngày 08/02/2018 giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bùi Thanh V, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, Tp. Mỹ Tho, Tiền Giang;

***Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*** Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm 1979 (có mặt) (Theo Văn bản ủy quyền ngày 20 tháng 7 năm 2016 )

Địa chỉ: phường A, Tp. Mỹ Tho, tỉnh Tiền Giang.

***- Bị đơn:*** Võ Văn L, sinh năm 1971 (có mặt);

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

***- Người kháng cáo:*** bị đơn Võ Văn L.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn ông Bùi Thanh V và chị Nguyễn Thị Mỹ H người đại diện theo ủy quyền của ông Bùi Thanh V trình bày:

Vào năm 2013, ông V có nhận chuyển nhượng của anh L diện tích 2.196m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1633, 1632, tờ bản đồ số 2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Võ Văn L với số tiền 60.000.000 đồng. Hợp đồng chuyển nhượng được công chứng tại Văn phòng công chứng C số 3297, quyển 01/2013TP/CC-SCC/HD9GD1 ngày 06/11/2013. Khi hợp đồng chuyển nhượng được công chứng xong và đang trong quá trình hoàn tất thủ tục chuyển nhượng do anh L không hợp tác để đo đạc nên đến nay vẫn chưa hoàn tất thủ tục chuyển nhượng được. Nay ông V yêu cầu anh L thực hiện hợp đồng chuyển nhượng cho ông diện tích đất nêu trên.

Tại đơn xin thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 06/6/2017, ông V trình bày: Ông đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và cho anh L chuộc lại diện tích đất này với giá 150.000.000 đồng, đồng thời hoàn cho ông chi phí định giá là 4.000.000 đồng, trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Ngày 10/8/2017, ông V có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, ông đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu anh L trả lại số tiền vốn 60.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả 1.125%/tháng, tính từ ngày 06/11/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 06/8/2017, là 44 tháng với số tiền 30.375.000 đồng, đồng thời hoàn cho ông chi phí định giá là 4.000.000 đồng. Bên cạnh đó ông V có yêu cầu khởi kiện bổ sung yêu cầu anh L trả số tiền vay 10.000.000 đồng và yêu cầu trả lãi của số tiền vay tính từ 06/12/2013, mức lãi suất 0.75%/tháng đến ngày xét xử là 3.300.000 đồng. Tổng cộng 107.675.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Khi trả xong nợ, ông V sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên cho anh L.

\* Bị đơn anh Võ Văn L có đơn phản tố trình bày:

Ngày 06/11/2013, tại Văn phòng công chứng C, anh có chuyển nhượng cho ông V diện tích 2.196m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1633, 1632, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Võ Văn L với số tiền 60.000.000 đồng, trên diện tích đất này có 01 ngôi nhà do gia đình anh sinh sống. Hợp đồng này được giao kết một cách giả tạo nhằm che giấu giao dịch khác là quan hệ vay tiền giữa anh và bà Thoa. Anh đóng lãi cho ông V từ ngày 06/11/2013 đến ngày 06/4/2014, anh đóng lãi được 21.000.000 đồng do tiền lãi cao nên anh ngưng không đóng cho đến nay. Nay anh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên và đồng ý trả lại vốn 60.000.000 đồng và 10.000.000 đồng tiền vay, anh đồng ý phụ thêm tiền lãi 10.000.000 đồng, không đồng ý trả lãi như ông V yêu cầu.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Chi H đại diện theo ủy quyền của ông V trình bày: Ngày 06/11/2013 giữa ông V và anh L có thỏa thuận vay tài sản với nhau với số tiền 60.000.000 đồng nhưng hai bên không làm hợp đồng vay tài sản mà ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất như nêu trên, việc ký hợp đồng này là để làm tin, đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng vay tài sản, khi anh L trả xong khoản tiền vay 60.000.000 đồng sẽ hủy bỏ hợp đồng chuyển nhượng. Ngày 06/12/2013, ông V có cho ông L vay thêm 10.000.000 đồng. Ông V và anh L có thỏa thuận mức lãi suất cho vay là 6%/tháng và thời hạn

vay là 01 tháng nhưng khi anh L nhận tiền vay, anh không trả lãi cũng không trả vốn đúng như thỏa thuận, ông V đã nhiều lần yêu cầu trả vốn và lãi nhưng anh L hèn hoai cho đến nay. Nay ông V đồng ý hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên và yêu cầu anh L trả lại số tiền vốn vay 70.000.000 đồng và tính lãi suất chậm trả 1.125%/tháng, đối với số tiền 60.000.000 đồng tính từ ngày 06/11/2013 cho đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 06/9/2017, là 46 tháng với số tiền 31.050.000 đồng, đối với số tiền 10.000.000 đồng, tính lãi 0.75%/tháng từ 06/12/2013 đến ngày xét xử 06/9/2017 là 45 tháng với số tiền 3.375.000 đồng thời hoàn cho ông V ½ chi phí đo đạc, định giá là 1.766.500 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật. Khi trả xong nợ, ông V sẽ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho anh L.

Anh L trình bày: Ngày 06/11/2013 ông V có cho anh vay số tiền 60.000.000 đồng và ngày 06/12/2013 anh vay thêm 10.000.000 đồng, lãi suất tháng đầu là 16%/tháng, tháng sau bớt còn 6%/tháng, khi vay anh hứa khi nào có tiền sẽ trả lại ông V, việc ký hợp đồng chuyển nhượng chỉ để làm tin, đảm bảo cho việc thực hiện hợp đồng vay tài sản. Anh trả lãi từ ngày vay đến 06/4/2014 được số tiền 21.000.000 đồng, do tiền lãi cao nên anh ngưng không đóng cho đến nay, anh không có giấy tờ chứng minh việc trả lãi. Anh yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng nêu trên, anh đồng ý trả lại vốn 70.000.000 đồng và đồng ý chịu ½ chi phí đo đạc, định giá là 1.766.500 đồng, anh không đồng ý trả lãi như ông V yêu cầu. Anh xin trả số tiền trên trong vòng 09 tháng, cứ 03 tháng trả một lần và trả trong 03 lần là hết số tiền trên. Anh yêu cầu ông V trả lại cho anh Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất khi án có hiệu lực pháp luật.

\* Bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 157, Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, Điều 474, Điều 697 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357, điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh V.

Anh Võ Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thanh V số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 34.425.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 104.425.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Văn L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Thanh V ½ chi phí đo đạc, định giá tài sản với số tiền 1.766.500 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Văn L.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Võ Văn L và ông Bùi Thanh V;

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Thanh V và anh Võ Văn L chuyển nhượng diện tích 2.196m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1633, 1632, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Võ Văn L được công chứng tại Văn phòng công chứng C số 3297, quyền 01/2013TP/CC-SCC/HD9GD1 ngày 06/11/2013

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Thanh V trả lại cho anh Võ Văn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Võ Văn L khi anh L trả xong số nợ trên.

\* Về án phí sơ thẩm:

Anh L phải nộp 2.610.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 35019 ngày 13/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh L còn phải nộp thêm số tiền 2.310.000 đồng.

Ông V phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 32791 ngày 05/5/2015 và số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 35374 ngày 06/6/2017 và số tiền 250.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 35563 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn lại ông V số tiền 5.500.000 đồng.

\* Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

\* Ngày 18/9/2017, anh Võ Văn L có đơn kháng cáo không đồng ý trả mức lãi suất 1.125%/tháng theo bản án của Tòa án nhân dân huyện huyện C, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang điều chỉnh lãi suất còn 0.75%/tháng.

\* Tại phiên tòa phúc thẩm, ý kiến của các đương sự:

- Bị đơn Võ Văn L yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét về lãi suất của bản án sơ thẩm đã tuyên với mức là 1,125%/tháng là quá cao, xin giảm xuống mức 0,75%/tháng và xin được trả dần trong 03 quý (mỗi quý 03 tháng) cho đến khi hết số tiền vay và lãi với lý do: gia đình hiện nay khó khăn không có khả năng thanh toán cho nguyên đơn. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn cũng không thỏa thuận được về phần lãi suất với nguyên đơn cũng như thời gian trả vốn và lãi vay.

- Đại diện cho nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và đề nghị giữ y bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

\* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang phát biểu ý kiến:

+ Về tố tụng: Kể từ ngày thụ lý vụ án đến nay Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng tuân thủ đúng quy định Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung vụ án: Yêu cầu kháng cáo của bị đơn Võ Văn L là không có cơ sở để chấp nhận, mức lãi suất Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng xét xử là có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 130/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên và những quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tòa án cấp sơ thẩm xác định mối quan hệ tranh chấp trong vụ án là hợp đồng vay tài sản và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất là có căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án theo pháp luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn L không đồng ý trả mức lãi suất 1.125%/tháng theo bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện huyện C, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang điều chỉnh lãi suất còn 0.75%/tháng và buộc ông Bùi Thanh V phải chịu  $\frac{1}{2}$  lãi suất từ tháng 11/2013 đến ngày tòa án xét xử sơ thẩm, anh L còn cho rằng ông V chỉ kiện “về việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, chứ không phải tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện: Ngày 20/4/2015 ông V nộp đơn khởi kiện sau đó 02 lần thay đổi bổ sung đơn khởi kiện vào các ngày 06/6/2017 (Bút lục 94); ngày 20/7/2017 (Bút lục 108), thể hiện việc yêu cầu trả tiền vay, tiền lãi và hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử là có căn cứ, đúng pháp luật, nên kháng cáo của anh L đối với nội dung này không có căn cứ để Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm anh L, ông V đều thừa nhận hai khoản tiền vay và thời gian vay giữa hai bên, khoản thứ nhất 60.000.000 đồng, khoản vay thứ hai là 10.000.000 đồng. Anh L chưa đồng ý về lãi suất theo ông V yêu cầu tính lãi với mức 1,125%/tháng đối với khoản vay 60.000.000 đồng, thời gian tính lãi từ 06/11/2013 đến ngày 06/9/2017 là ngày xét xử sơ thẩm, thời gian là 46 tháng (60.000.000 đồng x 1,125% x 46 tháng = 31.050.000 đồng). Đối với khoản vay 10.000.000 đồng, tính lãi 0,75%/tháng thời gian tính từ 06/12/2013 đến ngày xét xử sơ thẩm là 45 tháng (10.000.000 đồng x 0,75% x 45 tháng = 3.375.000 đồng). Tổng cộng tiền lãi của hai khoản vay là 34.425.000 đồng.

Việc áp dụng pháp luật về lãi suất đối với hai khoản vay mức 1,125%/tháng và 0,75%/tháng phù hợp với mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng nhà nước công bố tại thời điểm xác lập hợp đồng vay, phù hợp với lãi suất thỏa thuận cho vay quy định tại Điều 471, 474 và khoản 1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng là có căn cứ đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên cũng không thống nhất được với nhau về lãi suất theo yêu cầu của ông L, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh L về phần lãi suất.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị đơn không được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí phúc thẩm theo khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

[4] Các nội dung khác của bản sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Võ Văn L.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 130/2017/DS-ST ngày 06/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Thanh V.

- Anh Võ Văn L có nghĩa vụ trả cho ông Bùi Thanh V số tiền vay 70.000.000 đồng và tiền lãi 34.425.000 đồng, tổng cộng vốn và lãi 104.425.000 đồng, trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Anh Võ Văn L có nghĩa vụ hoàn lại cho ông Bùi Thanh V  $\frac{1}{2}$  chi phí đo đạc, định giá tài sản với số tiền 1.766.500 đồng (Một triệu bảy trăm sáu mươi sáu nghìn năm trăm đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi thi hành án xong, nếu anh L chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nêu trên thì hàng tháng còn phải trả lãi theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

- Chấp nhận yêu cầu phản tố của anh Võ Văn L.

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của anh Võ Văn L và ông Bùi Thanh V;

Hủy hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông Bùi Thanh V và anh Võ Văn L chuyển nhượng diện tích 2.196m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 1633, 1632, tờ bản đồ số 2, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Võ Văn L được công chứng tại Văn phòng công chứng C số 3297, quyền 01/2013TP/CC-SCC/HD9GD1 ngày 06/11/2013

Ghi nhận sự tự nguyện của ông Bùi Thanh V trả lại cho anh Võ Văn L giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02393 QSDĐ/1104/QĐUB ngày 28/10/1999 do Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ anh Võ Văn L khi anh L trả xong số nợ trên.

- Án phí sơ thẩm:

Anh L phải chịu 2.610.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 35019 ngày 13/3/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C. Anh L còn phải nộp thêm số tiền 2.310.000 đồng.

Ông V phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền 1.500.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 32791 ngày 05/5/2015 và số tiền 4.050.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai số 35374 ngày 06/6/2017 và số tiền 250.000 đồng tạm ứng theo biên lai thu số 35563 ngày 10/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C. Hoàn lại ông V số tiền 5.500.000 đồng.

- Án phí phúc thẩm:

Anh Võ Văn L phải có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 35642 ngày 18/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, xem như đã nộp xong án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
  - TAND huyện C;
  - THADS huyện C;
  - Các đương sự;
  - Lưu hồ sơ vụ án.
- DSPT-2018-H

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hoàng Hiệp**